

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG
BÔNG TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HS-ST
Ngày 27 – 08 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Rmah In, ông Nguyễn Ngọc Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk tham
gia phiên tòa:* Ông Lê Thanh Niêm - Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông
Bông, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:
19/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 20/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên
tòa số: 13/2024/HS - ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị Thùy D; sinh ngày 02 tháng 10 năm 1978, tại Đắk Lắk

Nơi cư trú: thôn D, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: làm nông;
trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; quốc tịch:
Việt Nam; con ông Lê Minh T (đã chết) và con bà Nguyễn Thị V (sinh năm
1945); Bị cáo có chồng là Võ Quang T1, sinh năm 1975 và 03 con (con lớn sinh
năm 1994, con nhỏ sinh năm 2003).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/11/2023 đến ngày 11/11/2023 thì được áp
dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại
phiên tòa.

2. Võ Hoàng L; sinh ngày 06 tháng 12 năm 1993, tại Đắk Lắk

Nơi cư trú: thôn D, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ T2 (sinh năm 1965) và con bà Hoàng Thị Đ (sinh năm 1968); Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Mộng Q, sinh năm 1998. Bị cáo chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 000073/QĐ-XPVPHC ngày 21/9/2018 về hành vi “Trộm cắp tài sản”, đã nộp phạt ngày 12/10/2018 và được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/11/2023 đến ngày 11/11/2023 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Thị Đ; sinh ngày 02 tháng 10 năm 1968, tại Quảng Bình

Nơi cư trú: thôn D, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng D1 (đã chết) và con bà Hoàng Thị H (đã chết); Bị cáo có chồng là Võ T2 (đã ly hôn) và Bùi Văn T3 (đã ly hôn). Bị cáo có 04 con (con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 2008).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/9/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tuyên Bản án số 231/2016/HSST xử phạt 05 tháng 12 ngày tù, về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/11/2023 đến ngày 11/11/2023 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thị P; sinh ngày 20 tháng 10 năm 1968, tại Quảng Nam

Nơi cư trú: thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình K (đã chết) và con bà Nguyễn Thị P1 (đã chết);

Bị cáo có chồng là Lê Xuân T4 (sinh năm 1964) và 04 con (con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1997).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/8/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk tuyên Bản án số 19/2015/HSST xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/11/2023 đến ngày 11/11/2023 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Mai Thị P2; sinh ngày 20 tháng 11 năm 1974, tại Thanh Hóa

Nơi cư trú: Thôn E, xã D, K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn N (đã chết) và con bà Đào Thị H1 (sinh năm 1952); Bị cáo có chồng là Nguyễn Văn H2, sinh năm 1972 (đã ly hôn) và 03 con (con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2003).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/10/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tuyên Bản án số 35/2021/HSST xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ, về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/11/2023 đến ngày 11/11/2023 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Đỗ Thị Thu H3; sinh ngày 17 tháng 3 năm 1984, tại Đắk Lắk

Nơi cư trú: thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn N1 (sinh năm 1957) và con bà Huỳnh Thị Thu S (sinh năm 1960); Bị cáo có chồng là Nguyễn Phi T5, sinh năm 1979 và 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/11/2023 đến ngày 11/11/2023 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Lê Đức H4; sinh ngày 16 tháng 4 năm 1981, tại Đà Nẵng

Nơi cư trú: tổ dân phố E, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức N2 (đã chết) và con bà Phạm Thị T6 (sinh năm 1956); Bị cáo có vợ là Phạm Hà Ngọc M, sinh năm 1979 và 02 con (con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2011).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/3/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk tuyên Bản án số 03/2020/HSST xử phạt 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 02 tháng, tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/11/2023 đến ngày 11/11/2023 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Phạm Tấn D2; sinh ngày 07 tháng 9 năm 1980, tại Đắk Lắk

Nơi cư trú: tổ dân phố E, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Tấn T7 (sinh năm 1958) và con bà Nguyễn Thị Đ1 (sinh năm 1960); Bị cáo có vợ là Lộ Thị Kiều O, sinh năm 1986 và 02 con (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 000654/QĐ-XPHC ngày 23/6/2020 về hành vi “Đánh bạc”, đã nộp phạt ngày 01/7/2020 và được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/11/2023 đến ngày 11/11/2023 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại

phiên tòa.

9. Tô Thị Kim O1; sinh ngày 03 tháng 12 năm 1959, tại Đồng Nai

Nơi cư trú: tổ dân phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn C (đã chết) và con bà Phùng Thị C1 (đã chết); Bị cáo có chồng là Trương Hữu D3, sinh năm 1957 (đã ly hôn) và Trần Văn T8, sinh năm 1950 (đã ly hôn). Bị cáo có 04 con (con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1994).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 000030/QĐ-XPHC ngày 09/8/2018 về hành vi “Đánh bạc”, đã nộp phạt ngày 10/8/2018 và được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 31/7/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk tuyên Bản án số 16/2019/HSST xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/11/2023 đến ngày 11/11/2023 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Hà Thị H5; sinh ngày 15 tháng 4 năm 1972, tại Quảng Nam

Nơi cư trú: thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn X (đã chết) và con bà Nguyễn Thị T9 (sinh năm 1934); Bị cáo có chồng là Nguyễn Phi T10, sinh năm 1968 (đã ly hôn) và chồng là Huỳnh X1, sinh năm 1986 (đã ly hôn). Bị cáo có 04 con (con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2017).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/11/2023 đến ngày 11/11/2023 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11. Trần Thị B; sinh năm 1952, tại Thừa Thiên Huế

Nơi cư trú: thôn D, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần L1 (đã chết) và con bà Trần Thị V1 (đã chết); Bị cáo có chồng là Đặng Công T11, sinh năm 1950 (đã chết) và có 06 con (con lớn sinh năm 1972, con nhỏ sinh năm 1985).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 50/QĐ-XPHC ngày 08/12/2020 về hành vi “Đánh bạc”, đã nộp phạt ngày 14/12/2020 và được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/11/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

12. Trương Tuấn Đ2; sinh ngày 10 tháng 10 năm 1994, tại Đắk Lắk

Nơi cư trú: thôn E, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Anh T12 (sinh năm 1966) và con bà Võ Thị M1 (sinh năm 1966); Bị cáo có vợ là Trần Tăng Thị D4, sinh năm 1998 và 01 con (sinh năm 2021).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/11/2023 đến ngày 11/11/2023 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Ông Võ Quang T1, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

*** Người làm chứng:**

- Bà Trương Thị L2, sinh năm 1963 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

- Bà Võ Thị Kiều T13, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

- Ông Đặng Công N3, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ thôn D, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 02/11/2023, Lê Thị Thùy D rủ nhiều người, sau đó có Võ Hoàng L, Phạm Tấn D2, Lê Đức H4, Trương Tuấn Đ2, Đỗ Thị Thu H3, Nguyễn Thị P, Hà Thị H5, Tô Thị Kim O1, Trần Thị B, Hoàng Thị Đ, Mai Thị P2 cùng một số người khác (chưa xác định nhân thân, lai lịch)) đến nhà của D tại địa chỉ thôn D, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để tham gia đánh bạc. D thu tiền xâu của mỗi con bạc từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng.

Về hình thức đánh bạc xóc đĩa, tỷ lệ thắng thua là 1-1. Ngoài việc những người đặt cược hai mặt chẵn lẻ thì có một số người nhận mặt chẵn, lẻ để được, thua với nhau, đối với cách cá cược này thì số tiền đánh bạc của con bạc sẽ nhiều hơn.

Các bị cáo tham gia đánh bạc đến 15 giờ 30 phút ngày 02/11/2023 thì bị bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 41.300.000 đồng. Trong đó có 20.450.000 đồng (gồm 800.000 đồng tiền xâu của D) thu trên chiếu bạc và 20.850.000 đồng là tiền các bị cáo mang theo sử dụng đánh bạc, cùng các công cụ phục vụ cho việc đánh bạc.

Ngoài các còn có một số đối tượng khác tham gia đặt cược nhưng đã ra về trước (chưa xác định được nhân thân, lai lịch).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐ ngày 19/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận giá trị căn phòng bếp nhà là tài sản chung của ông Võ Tấn Q1 và Lê Thị Thùy D (mà bị cáo D sử dụng để làm nơi đánh bạc): Tổng giá trị là 30.691.700 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 20/CT-VKS ngày 17/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông truy tố bị cáo Lê Thị Thùy D về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Võ Hoàng L, Phạm Tấn D2, Lê Đức H4, Trương Tuấn Đ2, Đỗ Thị Thu H3, Nguyễn Thị P, Hà Thị H5, Tô Thị Kim O1, Trần Thị B, Hoàng Thị Đ, Mai Thị P2 về tội “Đánh bạc”

theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo Cáo trạng số: 20/CT-VKS ngày 17/6/2024, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Thùy D phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; tuyên bố các bị cáo Võ Hoàng L, Phạm Tấn D2, Lê Đức H4, Trương Tuấn Đ2, Đỗ Thị Thu H3, Nguyễn Thị P, Hà Thị H5, Tô Thị Kim O1, Trần Thị B, Hoàng Thị Đ, Mai Thị P2 phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt:

* Căn cứ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử phạt: bị cáo **Lê Thị Thùy D** từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử phạt: bị cáo **Võ Hoàng L** từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử phạt: bị cáo **Hoàng Thị Đ** từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Thị P** từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử phạt: bị cáo **Mai Thị P2** từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng cải

tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử phạt: bị cáo **Đỗ Thị Thu H3** từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử phạt: bị cáo **Lê Đức H4** từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 6 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử phạt: bị cáo **Phạm Tấn D2** từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử phạt: bị cáo **Tô Thị Kim O1** từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử phạt: bị cáo **Hà Thị Hiền t** 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử phạt: bị cáo **Trần Thị B** từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử phạt: bị cáo **Trương Tuấn Đ2** từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập: Bị cáo Trần Thị B và Võ Hoàng L thuộc diện hộ cận nghèo, các bị cáo còn lại đều thuộc trường hợp có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú nên đề nghị không xem xét phạt bổ sung đối với các bị cáo được hưởng án treo cũng như không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo được cải tạo không giam giữ.

* Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- + Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước: số tiền 41.300.000 đồng, là số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc.

- + Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc nhựa hoa văn màu trắng, nền màu xám kích thước 2,97m x 1,8m; 01 đĩa sứ màu trắng có đường kính 15cm; 01 chén nhựa màu trắng đục đường kính 11cm, là sở hữu chung của ông Võ Quang T1 và bị cáo D, ông T1 không có yêu cầu gì đối với những đồ vật nói trên;

- + Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 04 con vị được cắt ra từ lá bài tú lơ khơ; 05 bộ bài tú lơ khơ của bị cáo D, là công cụ dùng để đánh bạc.

- + Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 15.345.850 đồng mà bị cáo D tự nguyện giao nộp, là ½ giá trị căn phòng bếp – địa điểm tổ chức đánh bạc (thuộc tài sản chung của bị cáo Lê Thị Thùy D và ông Võ Quang T1).

* Những vấn đề khác:

- Đối với ông Võ Quang T1: việc bị cáo Lê Thị Thùy D tổ chức cho nhiều người đến nhà để đánh bạc thì ông T1 không có ở nhà, ông T1 không biết việc và không được hưởng lợi gì từ việc D tổ chức đánh bạc. Do đó, không có cơ sở để xác định ông T1 đồng phạm với bị cáo D về tội Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, quy định tại Điều 322 Bộ luật Hình sự, nên không đề cập xử lý.

- Đối với bà Trương Thị L2, bà Võ Thị Kiều T13 và ông Đặng Công N3, quá trình điều tra xác định các đối tượng chỉ đến nhà D với mục đích xem đánh bạc chứ không có tham gia đánh bạc nên không đề cập xử lý.

- Đối với các đối tượng tham gia đánh bạc đã bỏ về trước và bỏ chạy thì các bị cáo không quen biết, không rõ nhân thân, lai lịch nên cần kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý các đối tượng theo quy định của pháp luật.

* Về án phí: Bị cáo Trần Thị B, Võ Hoàng L thuộc diện hộ cận nghèo và có Đơn xin miễn án phí. Các bị cáo còn lại phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra, thể hiện:

Vào trưa ngày 02/11/2023, tại phòng bếp của gia đình bị cáo Lê Thị Thùy D ở thôn D, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo D đã tổ chức cho các bị cáo Võ Hoàng L, Đỗ Thị Thu H3, Phạm Tấn D2, Nguyễn Thị P, Hà Thị H5, Lê Đức H4, Tô Thị Kim O1, Trần Thị B, Trương Tuấn Đ2, Hoàng Thị Đ và Mai Thị P2 thực hiện hành vi đánh bạc, được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa. Các bị cáo đánh bạc đến 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an tỉnh Đ bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 20.450.000 đồng (gồm 800.000 đồng tiền xu của D) và 20.850.000 đồng là tiền thu giữ trên người các bị cáo H4, P, Đ, Đ2 mang theo để sử dụng đánh bạc, cùng các công cụ phục vụ cho việc đánh bạc. Tổng số tiền đánh bạc là 41.300.000 đồng.

Do vậy, hành vi của bị cáo Lê Thị Thùy D phạm vào tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự; hành vi

của các bị cáo Võ Hoàng L, Đỗ Thị Thu H3, Phạm Tấn D2, Nguyễn Thị P, Hà Thị H5, Lê Đức H4, Tô Thị Kim O1, Trần Thị B, Trương Tuấn Đ2, Hoàng Thị Đ và Mai Thị P2 đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Điều 322 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a)

b) Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc cho 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;

c) Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên;

.....”

Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....”

Xét thấy các bị cáo có đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật để nhận thức được việc làm của mình. Các bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, trật tự an toàn xã hội tại địa phương đồng thời gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm mục đích cải tạo, giáo dục riêng đối

với các bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa chung về loại tội phạm này.

[3] Xét vụ án có nhiều bị cáo tham gia nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, phân nhiệm cụ thể nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn, cần xem xét đến vai trò, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo để phân hóa tội phạm:

Đối với bị cáo Lê Thị Thùy D: Bị cáo là người rủ rê và cho 11 người trở lên đến chơi bạc và sử dụng căn phòng bếp thuộc sở hữu của bị cáo và ông T1 làm nơi tổ chức đánh bạc với tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc và số tiền các con bạc dùng để đánh bạc là 41.300.000 đồng, bị cáo thu tiền xâu của mỗi con bạc từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, với tổng số tiền xâu đã thu là 800.000 đồng nên hành vi của bị cáo giữ vai trò là người tổ chức đánh bạc.

Bị cáo Võ Hoàng L là người lấy các vật dụng có sẵn trong nhà D gồm chén, đĩa, bộ bài T14 lơ khơ để cắt con vị, lấy chiếu trải ra nền nhà phục vụ đánh bạc. Khi tham gia đánh bạc, bị cáo trực tiếp làm cái để thắng thua với các con bạc nhiều ván, bị cáo mang theo và sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, đóng 50.000 đồng tiền xâu cho D. Do đó vai trò của bị cáo chỉ đứng sau bị cáo D.

Bị cáo Hoàng Thị Đ mang theo và sử dụng 20.000.000 đồng để đánh bạc, đóng 50.000 đồng tiền xâu, tham gia đặt cược nhiều ván, mỗi ván đặt từ 50.000 đồng đến vài trăm nghìn đồng, Đ thua 1.400.000 đồng, bị tạm giữ trên người 18.550.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị P mang theo và sử dụng 1.300.000 đồng để đánh bạc, mỗi ván cược 50.000 đồng, P thua 250.000 đồng, đóng 50.000 đồng tiền xâu và tham gia đặt cược nhiều ván và bị tạm giữ trên người 1.000.000 đồng dùng để đánh bạc.

Bị cáo Đỗ Thị Thu H3 mang theo và sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng – 100.000 đồng, thua hết tiền mang theo. Bị cáo Mai Thị P2 mang theo và sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, mỗi ván đặt cược từ 100.000 đồng đến vài trăm nghìn đồng, P2 thua hết tiền mang theo. Các bị cáo đóng 50.000 đồng tiền xâu và tham gia đặt cược nhiều ván. Bị cáo Lê Đức H4 mang theo và sử dụng 900.000 đồng để đánh bạc, chưa đóng tiền xâu và tham gia đặt cược 02 ván, mỗi ván 100.000 đồng, H4 thắng 200.000 đồng, bị tạm giữ trên người 1.100.000 đồng.

Bị cáo Phạm Tấn D2 mang theo và sử dụng 550.000 đồng để đánh bạc, đóng 50.000 đồng tiền xâu và tham gia đặt cược 03 ván, ván thứ nhất và thứ ba đặt cược 150.000 đồng, ván thứ hai đặt cược 200.000 đồng, D2 thua hết tiền mang theo. Bị cáo Tô Thị Kim O1 mang theo và sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, đóng 50.000 đồng tiền xâu và tham gia đặt cược nhiều ván, mỗi ván đặt cược thấp nhất 50.000 đồng, trung bình mỗi ván đặt cược 100.000 đồng, O1 thua hết tiền mang theo. Bị cáo Hà Thị H5 mang theo và sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, đóng 50.000 đồng tiền xâu và tham gia đặt cược nhiều ván, H5 thua hết số tiền mang theo. Bị cáo Trần Thị B mang theo và sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc, đóng 100.000 đồng tiền xâu và tham gia đặt cược 04 ván, mỗi ván đặt thấp nhất 50.000 đồng, B thua hết tiền mang theo. Xét thấy hành vi của các bị cáo Phạm Tấn D2, Tô Thị Kim O1, Hà Thị H5 và Trần Thị B là ngang nhau về tính chất và mức độ, hành vi của các bị cáo là nhẹ hơn so với các bị cáo trên.

Trương Tuấn Đ2 mang theo và sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc, Đ2 chưa đóng tiền xâu và tham gia đặt cược 02 ván, mỗi ván 100.000 đồng, Đ2 hòa tiền, bị tạm giữ trên người 200.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nhẹ nhất trong các bị cáo.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về nhân thân, các bị cáo sau có nhân thân xấu nên cần có mức phạt nghiêm khắc hơn so với các bị cáo có cùng hành vi:

Bị cáo Hoàng Thị Đ: Ngày 12/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk tuyên Bản án số 231/2016/HSST xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích.

Bị cáo Võ Hoàng L: đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, đã nộp phạt ngày 12/10/2018 và được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo Mai Thị P2: Ngày 27/10/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tuyên Bản án số 35/2021/HSST xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích.

Bị cáo Nguyễn Thị P: Ngày 11/8/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Krông

Bông, tỉnh Đắk Lắk tuyên Bản án số 19/2015/HSST xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích.

Bị cáo Lê Đức H4: Ngày 24/3/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk tuyên Bản án số 03/2020/HSST xử phạt 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích.

Phạm Tấn D2: Bị Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 000654/QĐ-XPHC ngày 23/6/2020 về hành vi “Đánh bạc”, đã nộp phạt ngày 01/7/2020 và được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Tô Thị Kim O1: Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 000030/QĐ-XPHC ngày 09/8/2018 về hành vi “Đánh bạc”, đã nộp phạt ngày 10/8/2018 và được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 31/7/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk tuyên Bản án số 16/2019/HSST xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích.

Trần Thị B: Bị Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 50/QĐ-XPHC ngày 08/12/2020 về hành vi “Đánh bạc”, đã nộp phạt ngày 14/12/2020 và được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

[4.2] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, các bị cáo Lê Thị Thùy D, Võ Hoàng L, Đỗ Thị Thu H3, Phạm Tấn D2, Nguyễn Thị P, Hà Thị H5, Lê Đức H4, Tô Thị Kim O1, Trần Thị B, Trương Tuấn Đ2, Hoàng Thị Đ và Mai Thị P2 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo Võ Hoàng L, Đỗ Thị Thu H3, Phạm Tấn D2, Hà Thị H5, Trần Thị B và Trương Tuấn Đ2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Trần Thị B, Võ Hoàng L thuộc diện hộ nghèo tại địa phương,

các bị cáo còn lại đều có xác nhận hoàn cảnh khó khăn. Bị cáo Lê Thị Thùy D phạm tội lần đầu, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 15.345.850 đồng là $\frac{1}{2}$ giá trị căn phòng mà bị cáo đã sử dụng để tổ chức đánh bạc nên cho các bị cáo hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4.4] Xét thấy bị cáo Lê Thị Thùy D có nhân thân tốt, bị cáo D và bị cáo Võ Hoàng L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng và đã thể hiện sự ăn năn, hối cải của mình nên xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo để gia đình và chính quyền địa phương cùng giám sát, giáo dục cũng đủ để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

Xét thấy các bị cáo Hoàng Thị Đ tham gia đánh bạc với số tiền nhiều nhất và tham gia tích cực nhất trong các con bạc. Bị cáo Nguyễn Thị P sử dụng số tiền đánh bạc chỉ ít hơn bị cáo Đ nhưng cao hơn các bị cáo còn lại. Bị cáo Đỗ Thị Thu H3, Mai Thị P2 và Lê Đức H4 có hành vi phạm tội tương đương nhau, bị cáo H3 và bị cáo P có nhân thân tốt, các bị cáo Đ, P2 và H4 đã từng bị kết án nhưng đã được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên cần có hình phạt nghiêm khắc hơn. Tuy nhiên, các bị cáo không giữ vai trò quan trọng trong vụ án, số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc không nhiều, các bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo không giam giữ, giao cho cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội cùng với gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ để răn đe đối với các bị cáo.

Xét thấy các bị cáo Phạm Tấn D2, Tô Thị Kim O1, Hà Thị H5 và Trần Thị B có hành vi phạm tội như nhau. Các bị cáo Bạch và H5 có nhân thân tốt, bị cáo Phạm Tấn D2 đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã nộp phạt và được xem như chưa bị xử phạt hành chính nên bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo Tô Thị Kim O1 đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính và bị xử phạt tù về hành vi đánh bạc nhưng đã chấp hành xong và được xem như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và đã được xóa án tích nhưng

thời gian đã lâu. Số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc ít (từ 400.000 đồng – 500.000 đồng), hành vi của các bị cáo là ít nghiêm trọng. Bị cáo Trương Tuấn Đ2 có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng và giữ vai trò thứ yếu khi sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc và mới chỉ tham gia 02 ván. Hành vi của bị cáo là nhẹ nhất trong tất cả các bị cáo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo không giam giữ cũng đủ răn đe, giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời thể hiện chính sách pháp luật khoan hồng của Nhà nước ta.

[4.5] Về hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập: Bị cáo Trần Thị B và Võ Hoàng L thuộc diện hộ cận nghèo, các bị cáo còn lại đều thuộc trường hợp có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú nên đề nghị không xem xét phạt bổ sung đối với các bị cáo được hưởng án treo cũng như không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo được cải tạo không giam giữ.

[5] Xử lý vật chứng: Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đối với ông Võ Quang T1, bà Trương Thị L2, bà Võ Thị Kiều T13, ông Đặng Công N3 và các đối tượng tham gia đánh bạc đã bỏ về trước và bỏ chạy ngày 02/11/2023 là phù hợp nên cần chấp nhận.

[7] Bị cáo Trần Thị B và Võ Hoàng L thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho hai bị cáo. Các bị cáo còn lại phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Thùy D phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Bị cáo Võ Hoàng L, Phạm Tấn D2, Lê Đức H4, Trương Tuấn Đ2, Đỗ Thị Thu H3, Nguyễn Thị P, Hà Thị H5, Tô Thị Kim O1, Trần Thị B, Hoàng Thị Đ, Mai Thị P2 phạm tội “Đánh bạc”.

* Căn cứ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của

Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thùy D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/8/2024).

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Võ Hoàng L 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/8/2024).

Giao các bị cáo Lê Thị Thùy D và Võ Hoàng L cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, để giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Hoàng Thị Đ 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ 09 ngày (cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ) tương ứng với 27 ngày cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Thị P** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ 09 ngày (cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ) tương ứng với 27 ngày cải tạo không giam giữ.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Mai Thị P2** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam

giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ 09 ngày (cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ) tương ứng với 27 ngày cải tạo không giam giữ.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Đỗ Thị Thu H3** 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ 09 ngày (cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ) tương ứng với 27 ngày cải tạo không giam giữ.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: bị cáo **Lê Đức H4** 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ 09 ngày (cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ) tương ứng với 27 ngày cải tạo không giam giữ.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Phạm Tấn D2** 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ 09 ngày (cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ) tương ứng với 27 ngày cải tạo không giam giữ.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Tô Thị Kim O1** 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ 09 ngày (cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ) tương ứng với 27 ngày cải tạo không giam giữ.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Hà Thị H5** 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ 09 ngày tương ứng với 27 ngày cải tạo không

giam giữ.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Trần Thị B 09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Trương Tuấn Đ2** 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ 09 ngày (cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ) tương ứng với 27 ngày cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo Mai Thị P2, Hoàng Thị Đ, Nguyễn Thị P, Đỗ Thị Thu H3, Hà Thị H5, Trần Thị B và Trương Tuấn Đ2, Lê Đức H4, Phạm Tấn D2, Tô Thị Kim O1.

Giao bị cáo Mai Thị P2 cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; giao các bị cáo Hoàng Thị Đ, Nguyễn Thị P, Đỗ Thị Thu H3, Hà Thị H5, Trần Thị B và Trương Tuấn Đ2 cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; giao các bị cáo Lê Đức H4, Phạm Tấn D2, Tô Thị Kim O1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Hoàng Thị Đ, Nguyễn Thị P, Đỗ Thị Thu H3, Hà Thị H5, Trần Thị B và Trương Tuấn Đạt Lê Đức H6, Phạm Tấn D2, Tô Thị Kim O1 tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Mai Thị P2 tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình

sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc nhựa hoa văn màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 chén nhựa màu trắng đục; 04 con vịt; 05 bộ bài tú lơ khơ.

(Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26/6/2024).

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: số tiền 41.300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0002108 ngày 26/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 15.345.850 đồng mà bị cáo D tự nguyện giao nộp, theo Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0002114 ngày 22/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Miễn án phí đối với bị cáo Võ Hoàng L và bị cáo Trần Thị Bạch .

Các bị cáo Lê Thị Thùy D, Phạm Tấn D2, Lê Đức H6, Trương Tuấn Đ2, Đỗ Thị Thu H3, Nguyễn Thị P, Hà Thị H5, Tô Thị Kim O1, Hoàng Thị Đ, Mai Thị P2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý đối với các đối tượng tham gia đánh bạc đã bỏ về trước và bỏ chạy vào trưa ngày 02/11/2023, tại phòng bếp của gia đình bị cáo Lê Thị Thùy D ở thôn D, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tối cao ;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Bông ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Đắk Lắk ;
- Cơ quan THAHS - CA huyện Krông Bông ;

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tâm

- Chi cục THADS huyện Krông Bông ;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) ;
- Lưu hồ sơ.